

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN THANH XUÂN
THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

*Bản án số: 135/2021/HS-ST
Ngày: 30/6/2021*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN THANH XUÂN**

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thúy Ngọc

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Chu Thị T
2. Bà Phan Thị Thủy Tiên

- Thư ký phiên tòa: Ông Ngô Xuân Huy – Thư ký Tòa án nhân dân quận Thanh Xuân

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Thanh Xuân tham gia phiên tòa:

Bà Nguyễn Bích Thủy - Kiểm sát viên

Trong ngày 30 tháng 6 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 109/2021/TLST-HS ngày 27/5/2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 234/2021/QĐXXST-HS ngày 18/6/2021 đối với bị cáo:

1. Trịnh Kim T (tức Trịnh Thị T), sinh năm 1966; HKTT và trú tại: Số 69/219 đường T, phường C, Hai Bà Trưng, Hà Nội; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hóa (học vấn): 02/10; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trịnh Văn B (đã chết) và bà Vũ Thị T (đã chết); có chồng là Phạm Văn K (đã ly hôn) và 02 con, con lớn sinh năm 1986, con nhỏ sinh năm 1988; tiền sự: Không

Tiền án: - Ngày 19/6/2017, Tòa án nhân dân quận Hoàng Mai, Hà Nội xử phạt 9 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản (tài sản chiếm đoạt trị giá 7.100.000 đồng). Đóng án phí ngày 13/12/2017.

- Ngày 28/11/2018, Tòa án nhân dân quận Đống Đa, Hà Nội xử phạt 9 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản. Tài sản trộm cắp trị giá 1.350.000 đồng. Đóng án phí ngày 19/3/2019. Ra trại ngày 10/6/2019;

Nhân thân: 07 lần bị xử lý hành chính đã được xóa có 06 lần bị kết án đã được xóa án tích gồm:

- Ngày 17/11/1983, Tòa án nhân dân quận Hai Bà Trưng, Hà Nội xử phạt 12 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản của công dân. (Tài sản trộm cắp trị giá 1.660 đồng)

- Ngày 22/08/1987, Tòa án nhân dân quận Hoàn Kiếm, Hà Nội xử phạt 18 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản của công dân. (Tài sản trộm cắp trị giá 2.400 đồng)

- Ngày 13/02/1990, Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội xử phạt 3 năm tù về tội Trộm cắp tài sản của công dân. (Tài sản trộm cắp trị giá 182.000 đồng) Tổng hợp hình phạt với bản án ngày 22/8/1987 của Tòa án nhân dân quận Hoàn Kiếm, buộc phải chấp hành hình phạt chung của 2 bản án là 4 năm 6 tháng tù.

- Ngày 28/09/1992, Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội xử phạt 4 năm tù về tội Trộm cắp tài sản của công dân. (Tài sản trộm cắp trị giá 35.000 đồng). Tổng hợp hình phạt với bản án số 33 ngày 13/02/1990 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội, buộc phải chấp hành hình phạt chung của 2 bản án là 8 năm 6 tháng tù.

- Ngày 28/02/2001, Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội xử phạt 9 năm tù về tội Mua bán trái phép chất ma túy.

- Ngày 24/04/2013, Tòa án nhân dân quận Đống Đa, Hà Nội xử phạt 10 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản.

Danh chỉ bản số 128 lập ngày 15/3/2021 tại Công an quận Thanh Xuân, Hà Nội; bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 12/03/2021 đến nay tại Trại tạm giam số 2- Công an thành phố Hà Nội (có mặt).

2. Phạm Văn D, sinh năm 1986; HKTT và trú tại: Số 17 hẻm 295/53 ngõ Q, phường L, Hai Bà Trưng, Hà Nội; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hóa (học vấn): 05/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Văn K và bà Trịnh Kim T; có 02 con lớn sinh năm 2010, con nhỏ sinh năm 2011; tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân: Có 06 tiền sự đã được xóa, 04 lần bị kết án đã được xóa án tích, gồm:

- Ngày 26/11/2003, Tòa án nhân dân quận Thanh Xuân, Hà Nội xử phạt 08 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản. Tài sản trộm cắp trị giá 150.000 đồng.

- Ngày 17/11/2003, Tòa án nhân dân quận Hai Bà Trưng, Hà Nội xử phạt 10 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản. Tài sản trộm cắp trị giá 930.000 đồng.

- Ngày 06/5/2005, Tòa án nhân dân quận Hai Bà Trưng, Hà Nội xử phạt 30 tháng tù về tội Tàng trữ trái phép chất ma túy. Đóng án phí ngày 31/8/2007.

- Ngày 25/10/2016, Tòa án nhân dân quận Đống Đa, Hà Nội xử phạt 34 tháng tù về tội Tàng trữ trái phép chất ma túy. Đóng án phí ngày 23/01/2018. Ra trại ngày 21/10/2018.

Danh chỉ bản số 129 lập ngày 15/3/2021 tại Công an quận Thanh Xuân, Hà Nội; bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 12/03/2021 đến nay tại Trại tạm giam số 2- Công an thành phố Hà Nội (có mặt).

Người bị hại: Kiều Thị Thu H, sinh năm: 1985; trú tại : Số 8 ngõ 168 đường V, phường T, Thanh Xuân, Hà Nội (vắng mặt và có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 08 giờ ngày 12/3/2021, Trịnh Kim T gọi điện thoại cho Phạm Văn D (con trai ruột của T) với mục đích rủ D đi “chợ” (tức đi trộm cắp tài sản), D hiểu ý của T nên đồng ý. Sau đó, T điều khiển xe máy Honda Wave, BKS: 29D1 – 139.40 đến nhà D đón D. Đến nơi, T bảo D điều khiển xe chở T đến khu vực chợ trên đường Vương Thừa Vũ, Khương Trung, Thanh Xuân, Hà Nội, T ngồi sau quan sát xem có ai sơ hở thì trộm cắp tài sản. Đến 09 giờ cùng ngày, khi đi đến trước số nhà 162 Vương Thừa Vũ, T phát hiện chị Kiều Thị Thu H đang mua hoa quả, phía sau lưng, cạnh chị H có 01 xe đẩy trẻ em chở 01 cháu bé, bên tay trái xe đẩy có treo 01 ví da cầm tay màu xanh, T nảy sinh ý định trộm cắp tài sản của chị H. T ra dấu hiệu cho D dừng xe lại. T đi xuống xe, tiến lại gần sau chị H còn D vẫn ngồi trên xe nổ máy sẵn, đi dịch lên phía trước chị H khoảng 2, 3 mét quan sát xung quanh để cảnh giới cho T và sẵn sàng tẩu thoát. Thấy chị H không để ý, T dùng tay phải mở chiếc ví màu xanh của chị H đang treo trên tay trái xe đẩy trộm cắp 01 cọc tiền mệnh giá 500.000 đồng với tổng số tiền là 36.000.000 đồng và 01 điện thoại Samsung Note 5 màu vàng rồi đi ra chỗ xe máy D đang chờ để tẩu thoát. Ngay sau khi T trộm cắp số tài sản trên thì bị người dân và chị H phát hiện hô hoán và đuổi theo. D tăng ga bỏ chạy vào ngõ 188 Vương Thừa Vũ nhưng do ngõ 188 là đường cụt nên D và T bị chị H cùng người dân bắt giữ và báo Công an phường Khương Trung đến giải quyết.

Cơ quan Công an đã thu giữ của Trịnh Kim T:

+ Số tiền mặt: 36.000.000 đồng (ba mươi sáu triệu đồng) gồm 72 tờ tiền mệnh giá 500.000 đồng;

+ 01 điện thoại di động Samsung Note 5 màu vàng có ốp nhựa màu trắng bị ố vàng, số imei: 353410073105888/01 lắp sim số: 0337543094 đã qua sử dụng;

+ 01 điện thoại di động Samsung màu trắng, số Imei 1: 357625088685170, Imei2: 357651088685176 bên trong lắp Sim 1: 0968692466, Sim 2: 0393201791

+ 01 túi xách màu đen không nhãn hiệu bằng da màu đen có dây đeo màu đen, khóa cài túi màu vàng đã qua sử dụng, có kích thước khoảng 21x10x19 cm

Cơ quan công an đã thu giữ của Phạm Văn D:

+ 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave màu trắng đen, BKS: 29D1 – 139.40, SK: RLHJC52313CY032946, SM: JC52E – 4039310 đã qua sử dụng.

+ 01 điện thoại di động Nokia màu xanh bị mất nắp vỏ lưng điện thoại, đằng sau được dán bằng băng dính màu đen, số Imei 1: 35890671162149, số Imei 2: 35890671162156, bên trong lắp sim 1: 0848922836, sim 2: 0879930987.

Cơ quan công an thu giữ của chị Kiều Thị Thu H:

+ 01 ví da không nhãn hiệu màu xanh có khóa kéo màu vàng, mặt bên trong bằng vải màu đỏ, có hai ngăn, đã qua sử dụng, kích thước khoảng 21x4x10 cm.

Tại bản kết luận định giá tài sản số: 144/KLĐG ngày 18/03/2021 của Hội đồng định giá thường xuyên tài sản trong tố tụng hình sự - UBND quận Thanh Xuân kết luận: 01 chiếc điện thoại nhãn hiệu Samsung note 5 số Imei: 353410073105888/01 có giá trị là 1.800.000 đồng.

Như vậy, cùng với số tiền mặt 36.000.000 đồng, tổng giá trị tài sản mà Trịnh Kim T và Phạm Văn D đã trộm cắp là 37.800.000 đồng

Tại Cáo trạng số 105/CT-VKS ngày 26/5/2021, Viện kiểm sát nhân dân quận Thanh Xuân đã truy tố Trịnh Kim T và Phạm Văn D về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015.

Tại phiên tòa:

- Viện kiểm sát giữ nguyên quan điểm truy tố; sau khi xem xét các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo đã đề nghị Hội đồng xét xử:

+ Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự: Xử phạt bị cáo Trịnh Kim T 28 đến 30 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”

+ Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự: Xử phạt bị cáo Phạm Văn D 22 đến 24 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”

+ Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự: Tịch thu sung ngân sách nhà nước: 01 điện thoại di động Samsung màu trắng và 01 điện thoại di động Nokia màu xanh là điện thoại của T và D đã liên lạc rủ nhau đi trộm

cắp; tịch thu tiêu hủy 01 chiếc túi xách màu đen là túi của T sử dụng để cất giấu tài sản trộm cắp, hiện không còn giá trị sử dụng.

+ Các bị cáo không có nghề nghiệp ổn định nên đề nghị không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

- Các bị cáo thành khẩn khai báo về hành vi của mình, ăn năn hối cải và xin được hưởng mức hình phạt nhẹ nhất.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tại cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa, bị cáo Trịnh Kim T và Phạm Văn D khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như nội dung cáo trạng đã nêu. Lời khai của các bị cáo phù hợp với nhau và phù hợp với lời khai của người bị hại, người làm chứng, kết luận định giá tài sản và các tài liệu chứng cứ khác đã được thu thập có trong hồ sơ vụ án. Vì vậy có đủ cơ sở để kết luận: Khoảng 09 giờ ngày 12/03/2021, tại khu vực trước số nhà 162 Vương Thừa Vũ, phường Khương Trung, quận Thanh Xuân, Hà Nội, Trịnh Kim T và Phạm Văn D đã cùng thực hiện hành vi lén lút chiếm đoạt 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Note 5 trị giá 1.800.000 đồng và số tiền 36.000.000 đồng, tổng cộng là 37.800.000 đồng của chị Kiều Thị Thu H thì bị bắt quả tang.

Hành vi của các bị cáo đã phạm tội Trộm cắp tài sản theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015 như cáo trạng Viện kiểm sát nhân dân quận Thanh Xuân đã truy tố.

[2] Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác, gây hoang mang lo lắng cho quần chúng nhân dân, gây mất trật tự trị an xã hội. Hai bị cáo đều có nhân thân xấu, đã bị kết án nhiều lần về hành vi trộm cắp tài sản, bị cáo D đã được xóa án tích, bị cáo T có hai tiền án chưa được xóa án tích, trong đó tiền án năm 2017 là căn cứ để định tội đối với tiền án năm 2018 (án năm 2018 không xác định án năm 2017 là tái phạm) nên lần phạm tội này của T thuộc trường hợp “tái phạm”. Lẽ ra các bị cáo phải coi những lần đã bị kết án là bài học để tu dưỡng bản thân, nhưng vẫn tiếp tục trộm cắp tài sản, thể hiện sự coi thường pháp luật. Do đó cần phải có mức hình phạt tù nghiêm khắc, tương xứng để giáo dục các bị cáo và răn đe, phòng ngừa tội phạm chung.

Vụ án này được xác định là đồng phạm giản đơn, trong đó bị cáo T có vai trò cao hơn D. T là người khởi xướng, rủ rê; đồng thời là người thực hành tích cực, trực

tiếp lấy trộm tài sản. Vì vậy mức hình phạt áp dụng với T cần cao hơn mức hình phạt áp dụng với D.

[3] Khi lượng hình, Hội đồng xét xử cũng nhận thấy quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên cần áp dụng quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự để giảm nhẹ một phần hình phạt cho các bị cáo.

[4] Các bị cáo không có nghề nghiệp và thu nhập ổn định nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

[5] Về trách nhiệm dân sự: Người bị hại đã nhận lại toàn bộ tài sản bị chiếm đoạt, không yêu cầu bồi thường nên Tòa không xét.

[6] Về xử lý vật chứng: Cần tịch thu sung ngân sách nhà nước: 01 điện thoại di động Samsung màu trắng và 01 điện thoại di động Nokia màu xanh là điện thoại của T và D đã liên lạc rủ nhau đi trộm cắp. Cần tịch thu tiêu hủy 01 chiếc túi xách màu đen là túi của T sử dụng để cất giấu tài sản trộm cắp, hiện không còn giá trị sử dụng.

Đối với chiếc xe máy Honda Wave màu trắng đen, BKS: 29D1 – 139.40, quá trình xác minh xác định chiếc xe là tài sản hợp pháp của chị Nguyễn Trà M (sinh năm 1993; HKTT: Số 66 ngõ 219, đường H, phường C, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội) để ở nhà cho mẹ là bà Nguyễn Bích V sử dụng. Bà V có cho Trịnh Kim T mượn chiếc xe trên. Bà V không biết T sử dụng vào mục đích phạm tội. Công an quận Thanh Xuân đã trao trả chiếc xe máy trên cho bà V là đúng quy định của pháp luật.

[7] Các hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử là hợp pháp.

[8] Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[9] Về quyền kháng cáo: Các bị cáo, người bị hại có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 1 Điều 173; điểm h khoản 1 Điều 52; điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 đối với Trịnh Kim T.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 đối với Phạm Văn D;

Căn cứ vào Điều 47 Bộ luật hình sự, điều 106, 136, 328, 331, 333 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án đối với Trịnh Kim T và Phạm Văn D;

1. Tuyên bố các bị cáo Trịnh Kim T và Phạm Văn D phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

2. Xử phạt Trịnh Kim T 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 12/3/2021

Xử phạt Phạm Văn D 02 (hai) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 12/3/2021

3. Về xử lý vật chứng:

- Tịch thu sung ngân sách nhà nước: 01 điện thoại di động Samsung màu trắng, số Imei 1: 357625088685170, Imei2: 357651088685176, bên trong lắp sim 1: 0968692466, sim 2: 0393201791

- Tịch thu sung ngân sách nhà nước: 01 điện thoại di động Nokia màu xanh bị mất nắp vỏ lưng điện thoại, đằng sau được dán bằng băng dính màu đen, số Imei 1: 35890671162149, số Imei 2: 35890671162156, bên trong lắp sim 1: 0848922836, sim 2: 0879930987;

- Tịch thu tiêu hủy 01 chiếc túi xách màu đen không nhãn hiệu bằng da, có dây đeo màu đen, khóa cài túi màu vàng đã qua sử dụng có kích thước 21x20x19cm (Hiện các vật chứng đang lưu giữ tại Chi cục thi hành án dân sự quận Thanh Xuân theo Biên bản giao, nhận vật chứng ngày 01/6/2021)

4. Về án phí: Buộc mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Các bị cáo có mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Người bị hại vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

